

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-32

130
C
HÀ C
HÀ
HỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bá Tiến	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Minh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Anh	Ủy viên
Ông Khuất Minh Hà	Ủy viên
Bà Nguyễn Thy Phương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Trọng Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Hồng Vân	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Tùng Linh	Thành viên
Bà Hoàng Nhật Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Số: 280324.051/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023, Công ty đang theo dõi khoản tạm ứng cho các đối tượng là nhân viên của Công ty ở chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán (Chi tiết tại Thuyết minh số 07) đã quá hạn thanh toán. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính phù hợp và khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

A blue ink signature of Nguyễn Trung Kiên.

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		79.470.378.793	71.173.745.799
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.314.372.883	9.650.814.458
111	1. Tiền		10.314.372.883	9.650.814.458
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	144.664.480	144.664.480
121	1. Chứng khoán kinh doanh		144.664.480	144.664.480
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.478.356.801	60.758.086.833
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	29.228.799.873	20.977.287.374
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	472.062.014	720.246.604
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	38.777.494.914	39.060.552.855
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		532.984.629	620.180.028
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	74.868.162	18.011.344
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		111.533.465	255.585.682
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	346.583.002	346.583.002
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.503.066.505	33.594.240.801
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		190.000.000	160.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	50.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	190.000.000	110.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.043.263.582	1.349.666.390
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.043.263.582	1.349.666.390
222	- Nguyên giá		5.237.728.906	5.363.632.028
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.194.465.324)	(4.013.965.638)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	31.745.875.312	31.674.514.187
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.788.098.549	5.716.737.424
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.957.776.763	25.957.776.763
260	VI. Tài sản dài hạn khác		523.927.611	410.060.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	451.625.917	333.885.834
268	2. Tài sản dài hạn khác		72.301.694	76.174.390
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		112.973.445.298	104.767.986.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		54.243.401.460	51.783.613.424
310	I. Nợ ngắn hạn		52.417.568.862	49.846.094.120
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	18.106.715.221	17.327.919.810
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	9.719.021.847	10.170.176.541
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.627.717.249	1.570.170.643
314	4. Phải trả người lao động		2.680.654.821	1.073.982.155
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	55.000.000	49.999.999
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	9.153.910.238	8.579.295.487
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	10.867.856.600	10.867.856.600
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		206.692.885	206.692.885
330	II. Nợ dài hạn		1.825.832.599	1.937.519.304
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	725.363.738	824.993.400
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24	1.100.468.861	1.112.525.904
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		58.730.043.838	52.984.373.175
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	58.730.043.838	52.984.373.175
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000	40.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000	40.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(10.000.000)	(10.000.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000)	(20.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(16.967.782)	(13.371.719)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		17.704.765.588	17.704.765.588
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.064.135.765)	(11.814.558.541)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước		(11.814.558.541)	(13.469.228.764)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		5.750.422.776	1.654.670.223
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.116.401.797	7.117.557.847
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		112.973.445.298	104.767.986.600

Trịnh Thị Quỳnh Anh
Người lậpĐào Hồng Vân
Kế toán trưởngNguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	175.667.037.279	84.044.171.338
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		175.667.037.279	84.044.171.338
11	4. Giá vốn hàng bán	19	150.514.747.951	70.624.230.744
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.152.289.328	13.419.940.594
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	420.582.223	48.990.631
22	7. Chi phí tài chính	21	999.990.372	566.317.706
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		550.800.000	553.712.604
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		71.361.124	21.649.707
25	9. Chi phí bán hàng		28.048.906	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	18.678.755.373	11.241.222.213
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.937.438.024	1.683.041.013
31	12. Thu nhập khác		2.988.509	266.644.300
32	13. Chi phí khác		177.858.701	15.644.407
40	14. Lợi nhuận khác		(174.870.192)	250.999.893
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.762.567.832	1.934.040.906
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	21.903.107	52.328.378
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24	(12.057.044)	679.707.436
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.752.721.769</u>	<u>1.202.005.091</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		5.750.422.776	1.654.670.223
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.298.993	(452.665.133)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.438	414

Trịnh Thị Quỳnh Anh
Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởngNguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.762.567.832	1.934.040.906
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		304.699.686	442.459.473
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(233.219.740)	(26.231.325)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(85.570.018)	(37.286.506)
06	- Chi phí lãi vay		550.800.000	553.712.604
07	- Các khoản điều chỉnh khác		1.703.122	4.020.267
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.300.980.882	2.870.715.419
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.542.867.361)	(9.204.739.835)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.043.813.437	7.525.968.680
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(174.596.901)	284.478.894
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(10.137.604)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(45.041.802)	(7.287.084)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		582.288.255	1.458.998.470
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
24	1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	3.000.000.000
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.208.894	15.636.799
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.208.894	3.015.636.799
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(99.629.662)	(607.150.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(99.629.662)	(607.150.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		496.867.487	3.867.485.269
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.650.814.458	5.693.196.911
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		166.690.939	90.132.278
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	10.314.372.883	9.650.814.458

Trịnh Thị Quỳnh Anh
Người lậpĐào Hồng Vân
Kế toán trưởngNguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCĐL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 40.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40.000.000.000 đồng; tương đương 4.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ vui chơi, giải trí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý bán vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh hướng dẫn du lịch; lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2023 dịch bệnh Covid - 19 đã được kiểm soát nên thị trường du lịch trong nước phục hồi và phát triển trở lại. Hoạt động của Công ty theo đó cũng tăng trưởng ổn định dẫn đến chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" tương ứng trong năm tăng lần lượt là 91,6 tỷ đồng và 79,89 tỷ đồng so với năm 2022.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch
Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản	Nhật Bản	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 02 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn bất động sản ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, dịch vụ và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.164.125.308	4.792.401.366
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.150.247.575	4.858.413.092
	<u><u>10.314.372.883</u></u>	<u><u>9.650.814.458</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (Mã CP SHB)	144.664.480	210.189.600	144.664.480	193.646.900
	<u>144.664.480</u>	<u>210.189.600</u>	<u>144.664.480</u>	<u>193.646.900</u>
		-		-
				-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2023		01/01/2023	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết				VND
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Thành phố Hà Nội	50%	50%	5.788.098.549
- Công ty TNHH TWX Việt Nam	Thành phố	40,1%	40,1%	5.009.872.671
				<u>778.225.878</u>
				<u>5.788.098.549</u>
				5.716.737.424
				4.938.511.546
				<u>778.225.878</u>
				<u>5.716.737.424</u>

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Công ty Cổ phần Ngắm cảnh Việt	4.420.570.000	-	-	4.420.570.000
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long	21.537.206.763	-	-	21.537.206.763
	25.957.776.763	-	-	25.957.776.763

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Ngắm cảnh Việt Nam	Hà Nội	10,68%	10,68%	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	16,12%	16,12%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	14.842.114.307	-	7.349.604.123	-
- Công ty TNHH TWX Việt Nam	-	-	201.721.000	-
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu	14.842.114.307	-	7.147.883.123	-
<i>Bên khác</i>	14.386.685.566	-	13.627.683.251	-
- CATAI Tour	4.941.111.734	-	4.155.836.840	-
Phải thu khách hàng khác	9.445.573.832	-	9.471.846.411	-
	29.228.799.873	-	20.977.287.374	-
b) Dài hạn				
<i>Bên khác</i>	-	-	50.000.000	-
Phải thu khách hàng khác	-	-	50.000.000	-
	-	-	50.000.000	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	472.062.014	-	720.246.604	-
CHRISTINAIR TOURS CO.,LTD	459.654.410	-	686.720.000	-
Trả trước cho người bán khác	12.407.604	-	33.526.604	-
	472.062.014	-	720.246.604	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.780.540	-
Tạm ứng	35.305.656.531	-	36.331.993.260	-
- Phải thu vé máy bay	-	-	468.883.778	-
- Cổ tức phải thu Công ty TNHH DL và DV Mega Việt Nam	708.066.082	-	708.066.082	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Ngắm Cảnh Việt Nam	-	-	192.452.392	-
- Phải thu Quỹ khen thưởng phúc lợi	447.957.557	-	447.957.557	-
- Phải thu khác	2.315.814.744	-	909.419.246	-
	<u>38.777.494.914</u>	<u>-</u>	<u>39.060.552.855</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	190.000.000	-	110.000.000	-
	<u>190.000.000</u>	<u>-</u>	<u>110.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Cổ tức phải thu Công ty TNHH DL và DV Mega Việt Nam	708.066.082	-	900.518.474	-
	<u>708.066.082</u>	<u>-</u>	<u>900.518.474</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.022.947.389	291.317.273	4.015.867.634	33.499.732	5.363.632.028
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(124.200.000)	(1.703.122)	(125.903.122)
Số dư cuối năm	1.022.947.389	291.317.273	3.891.667.634	31.796.610	5.237.728.906
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	737.400.362	291.317.273	2.967.567.787	17.680.216	4.013.965.638
- Khấu hao trong năm	40.917.900	-	254.081.832	9.699.954	304.699.686
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(124.200.000)	-	(124.200.000)
Số dư cuối năm	778.318.262	291.317.273	3.097.449.619	27.380.170	4.194.465.324
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	285.547.027	-	1.048.299.847	15.819.516	1.349.666.390
Tại ngày cuối năm	244.629.127	-	794.218.015	4.416.440	1.043.263.582

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.297.602.545 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.919.668	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	60.948.494	18.011.344
	74.868.162	18.011.344
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	160.220.840	14.848.333
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	155.973.061	267.581.272
Chi phí trả trước dài hạn khác	135.432.016	51.456.229
	451.625.917	333.885.834

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	VND
Bên liên quan	3.026.519.482	3.026.519.482	1.745.211.187	1.745.211.187
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu	3.026.519.482	3.026.519.482	1.745.211.187	1.745.211.187
Bên khác	15.080.195.739	15.080.195.739	15.582.708.623	15.582.708.623
- Công ty CP Du thuyền Năm sao Tuần Châu	278.581.000	278.581.000	378.581.000	378.581.000
- Chi nhánh Công ty TNHH Indochina Sails Hải Phòng	314.276.000	314.276.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Du lịch Dịch vụ Con Sẻ Tre	2.594.465.400	2.594.465.400	2.594.465.400	2.594.465.400
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	2.594.465.400	2.594.465.400	2.273.500.000	2.273.500.000
- Phải trả các đối tượng khác	9.298.407.939	9.298.407.939	10.336.162.223	10.336.162.223
	18.106.715.221	18.106.715.221	17.327.919.810	17.327.919.810

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	2.000.000.000	-
Công ty TNHH DL và DV Mega Việt Nam	2.000.000.000	-
Bên khác	7.719.021.847	10.170.176.541
Khách Lotus Travel	2.678.213.127	3.127.949.757
MYANMAR GOLD (ASIAN CONTINENT)	-	2.001.874.381
Phải trả các đối tượng khác	5.040.808.720	5.040.352.403
	9.719.021.847	10.170.176.541

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		665.760.544		3.715.729.802		3.815.898.502		-		565.591.844	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	342.566.502		45.041.294		21.903.107		45.041.802		342.566.502		21.902.599	
Thuế Thu nhập cá nhân	4.016.500		4.557.999		-		4.557.999		4.016.500		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		854.810.806		486.461.000		301.049.000		-		1.040.222.806	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		6.000.000		6.000.000		-		-	
	346.583.002		1.570.170.643		4.230.093.909		4.172.547.303		346.583.002		1.627.717.249	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí phải trả khác	55.000.000	49.999.999
	55.000.000	49.999.999

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	164.935.756	277.992.188
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.039.140.695	4.039.140.695
- Phải trả lãi vay	2.581.025.754	2.030.225.754
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	368.808.033	231.936.850
	9.153.910.238	8.579.295.487
	4.581.025.754	4.030.225.754

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long ⁽¹⁾	10.800.000.000	10.800.000.000	-	-	10.800.000.000	10.800.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	67.856.600	67.856.600	67.856.600	67.856.600	67.856.600	67.856.600
- Japan Finance Corporation ⁽²⁾	67.856.600	67.856.600	67.856.600	67.856.600	67.856.600	67.856.600
	10.867.856.600	10.867.856.600	67.856.600	67.856.600	10.867.856.600	10.867.856.600
b) Vay dài hạn						
- Japan Finance Corporation ⁽²⁾	892.850.000	892.850.000	-	99.629.662	793.220.338	793.220.338
	892.850.000	892.850.000	-	99.629.662	793.220.338	793.220.338
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(67.856.600)	(67.856.600)	(67.856.600)	(67.856.600)	(67.856.600)	(67.856.600)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	824.993.400	824.993.400			725.363.738	725.363.738

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(1) Các hợp đồng vay tín dụng giữa Công ty với Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực;
- + Lãi suất cho vay: 5,1%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.800.000.000 đồng;
- + Các hình thức đảm bảo khoản vay: Vay không có đảm bảo.

(2) Khoản vay đối với Japan Finance Corporation, thanh toán kỳ hạn 84 tháng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất 0,46%/năm trong 3 năm đầu, sau 3 năm lãi suất 1,36%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 793.220.338 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI
Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	2.028.345	17.704.765.588	(13.469.228.764)	7.585.019.117	51.812.564.286
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	1.654.670.223	(452.665.133)	1.202.005.090
Giảm khác	-	-	-	(15.400.064)	-	-	(14.796.137)	(30.196.201)
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	(13.371.719)	17.704.765.588	(11.814.558.541)	7.117.557.847	52.984.373.175
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	(13.371.719)	17.704.765.588	(11.814.558.541)	7.117.557.847	52.984.373.175
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	5.750.422.776	2.298.993	5.752.721.769
Giảm khác	-	-	-	(3.596.063)	-	-	(3.455.043)	(7.051.106)
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	(10.000.000)	(20.000)	(16.967.782)	17.704.765.588	(6.064.135.765)	7.116.401.797	58.730.043.838

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Nguyễn Bá Tiến	2.415.360.000	6,04%	2.415.360.000	6,04%
Đặng Thị Minh Chi	4.065.650.000	10,16%	4.065.650.000	10,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	1.999.500.000	5,00%	1.999.500.000	5,00%
Nguyễn Thị Kim Ngân	1.999.500.000	5,00%	1.999.500.000	5,00%
Trần Ngọc Nhật	7.251.520.000	18,13%	7.251.520.000	18,13%
Hoàng Tùng	2.227.710.000	5,57%	2.227.710.000	5,57%
Trần Quang Huy	3.919.020.000	9,80%	3.919.020.000	9,80%
Nguyễn Thị Minh Yên	4.762.800.000	11,91%	4.762.800.000	11,91%
Khuất Minh Hà	5.044.730.000	12,61%	5.044.730.000	12,61%
Các cổ đông khác	6.314.190.000	15,79%	6.314.190.000	15,79%
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
	40.000.000.000	100%	40.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	40.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	40.000.000.000	40.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	40.000.000.000	40.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	2	2
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2	2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.999.998	3.999.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.999.998	3.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.704.765.588	17.704.765.588
	17.704.765.588	17.704.765.588

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại đường Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2001 đến năm 2030. Diện tích khu đất thuê là 305m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	14.227,53	20.994,39
- Đồng Euro (EUR)	494,73	349,10

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	175.667.037.279	84.044.171.338
	175.667.037.279	84.044.171.338

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	150.514.747.951	70.624.230.744
	<u>150.514.747.951</u>	<u>70.624.230.744</u>

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	14.208.894	15.636.799
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	170.474.211	7.122.507
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	235.899.118	26.231.325
	<u>420.582.223</u>	<u>48.990.631</u>

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	550.800.000	553.712.604
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	446.510.994	12.605.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.679.378	-
	<u>999.990.372</u>	<u>566.317.706</u>

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.139.626	14.447.932
Chi phí nhân công	11.727.115.464	4.965.108.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	304.699.686	427.801.870
Thuế, phí, lệ phí	472.479.494	137.544.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.739.118.672	3.650.177.323
Chi phí khác bằng tiền	2.404.202.431	2.046.141.808
	<u>18.678.755.373</u>	<u>11.241.222.213</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội	21.902.599	45.041.294
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Du lịch Việt Nam Nhật Bản	508	7.287.084
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.903.107	52.328.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(297.525.208)	(342.566.502)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(45.041.802)	(7.287.084)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(320.663.903)	(297.525.208)

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.100.468.861	1.112.525.904
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.100.468.861	1.112.525.904

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.750.422.776	1.654.670.223
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.750.422.776	1.654.670.223
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.999.998	3.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.438	414

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	-	-	144.664.480
	<u>144.664.480</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>144.664.480</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	-	-	144.664.480
	<u>144.664.480</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>144.664.480</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.150.247.575	-	-	3.150.247.575
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.006.294.787	190.000.000	-	68.196.294.787
	<u>71.156.542.362</u>	<u>190.000.000</u>	<u>-</u>	<u>71.346.542.362</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.858.413.092	-	-	4.858.413.092
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.037.840.229	160.000.000	-	60.197.840.229
	64.896.253.321	160.000.000	-	65.056.253.321

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	10.867.856.600	725.363.738	-	11.593.220.338
Phải trả người bán, phải trả khác	27.260.625.459	-	-	27.260.625.459
Chi phí phải trả	55.000.000	-	-	55.000.000
	38.183.482.059	725.363.738	-	38.908.845.797
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	10.867.856.600	824.993.400	-	11.692.850.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.907.215.297	-	-	25.907.215.297
Chi phí phải trả	49.999.999	-	-	49.999.999
	36.825.071.896	824.993.400	-	37.650.065.296

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH TWX Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu	Ông Nguyễn Bá Tiến - Chủ tịch HĐQT- đồng thời là Tổng Giám đốc của Công ty Toàn Cầu

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu	7.556.581.042	7.169.910.389
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu	7.556.581.042	7.169.910.389
Mua hàng hóa dịch vụ	1.314.050.500	1.241.220.074
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu	1.314.050.500	1.241.220.074

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	325.217.899	82.680.520
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	1.685.091.902	573.227.992

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Trịnh Thị Quỳnh Anh
 Người lập


 Đào Hồng Vân
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Bá Tiến
 Chủ tịch HĐQT



Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024